

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 7

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 7 ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁽¹⁾, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp: “Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác quy định: “Đối tượng cho vay: theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (sau đây viết tắt là Nghị định số 78/2002/NĐ-CP) và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (nếu có).”

⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân tỉnh đã thông nhất tại cuộc họp ngày 18 tháng 6 năm 2024.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Ngày 30 tháng 12 năm 2019, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 Thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Tính đến hết năm 2023, hệ thống Ngân hàng chính sách trên địa bàn tỉnh đã giải ngân cho 311 lượt người vay vốn với tổng số tiền 7.240 triệu đồng dùng cho khám, chữa bệnh cho thành viên trong hộ gia đình, sửa chữa xây nhà, kinh doanh, buôn bán nhỏ. Người vay vốn chấp hành tốt việc trả lãi định kỳ, trả nợ khi đến hạn theo đúng cam kết, trong đó một số hộ vay đã trả nợ trước hạn. Đến nay, chưa phát sinh nợ quá hạn⁽²⁾.

Qua hơn 4 năm triển khai Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND, với kết quả như trên, cho thấy Nghị quyết cơ bản đạt được mục tiêu đề ra, nhận được sự quan tâm và đồng thuận của cấp ủy, chính quyền và Nhân dân trên địa bàn tỉnh; kịp thời hỗ trợ nhiều hộ gia đình vượt qua hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, đặc biệt là trong các trường hợp đau ốm, mắc bệnh hiểm nghèo cần có tiền để chi trả, góp phần hạn chế việc đi “vay nóng”, thể hiện được tính nhân văn của Nghị quyết và góp phần đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn.

b) Ngày 12 tháng 12 năm 2022, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 106/NQ-HĐND về kết quả giám sát tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum; trong đó:

- Tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 1 nêu một trong những hạn chế, khó khăn, bất cập khi triển khai thực hiện Đề án:

“- Đối tượng được vay vốn theo Nghị quyết 67/2019/NQ-HĐND chủ yếu tập trung vào các nhóm đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt qua điều tra, rà soát định kỳ, hằng năm; hộ kinh doanh, buôn bán nhỏ ở khu vực đô thị (không thuộc 4 nhóm đối tượng được điều tra, rà soát), hộ có mức sống trung bình đang có dư nợ tại Ngân hàng Chính sách không được vay vốn để kinh doanh, buôn bán nhỏ.

- Điều kiện vay vốn, hạn mức cho vay, thời hạn cho vay, mức lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay còn nhiều hạn chế, bất cập. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với đánh giá hạn chế, bất cập của Đoàn giám sát tại Báo cáo số 40/BC-DGS.”

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất, Khoản 1, Điều 2 đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh: *“Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai Nghị quyết; có phương án khắc phục các hạn chế, bất cập Đoàn Giám sát đã nêu ra và các kiến nghị, đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố và Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh*

⁽²⁾ Theo số liệu ước thực hiện đến hết năm 2023 của Chi nhánh NHCSXH tỉnh ngày 07 tháng 12 năm 2023

tỉnh Kon Tum, đồng thời rà soát các nội dung của Nghị quyết 67/2019/NQ-HĐND và Đề án để tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp (nếu xét thấy cần thiết)."

c) Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Nghị quyết số 106/NQ-HĐND nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tham mưu Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động "tín dụng đen" trên địa bàn tỉnh tại Tờ trình số 807-TTr/BCSD ngày 01 tháng 11 năm 2023. Tại Công văn số 1103-CV/TU ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Tỉnh ủy Kon Tum về việc chủ trương sửa đổi, bổ sung Đề án cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất chủ trương sửa đổi, bổ sung Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động "tín dụng đen" trên địa bàn tỉnh như đề nghị của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 807-TTr/BCSD ngày 01 tháng 11 năm 2023. Trong đó, áp dụng mức lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất của Chương trình cho vay hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo từng thời kỳ. Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo triển khai thực hiện chủ trương trên theo đúng quy trình, quy định của pháp luật.

Từ tình hình thực tế và các quy định nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 7 xem xét, ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động "tín dụng đen" trên địa bàn tỉnh Kon Tum, gồm các nội dung sau:

(1) Sửa đổi quy định về đối tượng vay vốn là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình của Đề án theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 và bổ sung đối tượng cho vay mới là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh, huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn, ở lực lượng vũ trang đang công tác tại địa bàn tỉnh Kon Tum, có Giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi cá nhân làm việc theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết này xác nhận thu nhập bình quân đầu người/tháng của hộ gia đình mình tương đương với chuẩn hộ có mức sống trung bình quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ, gặp khó khăn đột xuất về tài chính do ốm đau, bệnh tật phải điều trị dài ngày; tai nạn đột xuất; thiên tai, hỏa hoạn làm nhà cửa bị hư hỏng cần khắc phục ngay.

Dự kiến nhu cầu kinh phí tăng thêm khi bổ sung, mở rộng thêm đối tượng vay vốn nêu trên:

Trên cơ sở số lượng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính⁽³⁾, các cơ quan thuộc khối Đảng, Đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội⁽⁴⁾, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên⁽⁵⁾ tỉnh Kon Tum được cấp có thẩm quyền giao năm 2023 và lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh⁽⁶⁾. Dự kiến số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc diện hộ khó khăn về tài chính có nhu cầu vay vốn để chi tiêu do ốm đau, bệnh tật phải điều trị dài ngày, tai nạn đột xuất thiên tai, hỏa hoạn làm nhà cửa bị hư hỏng cần khắc phục ngay chiếm khoảng 5% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh (*bình quân khoảng 1.000 người/năm kể cả người vay mới và người đã vay năm trước còn dư nợ*). Với mức cho vay tối đa của Đề án (*hiện đang trình điều chỉnh tăng lên 50 triệu đồng/người*), dự kiến tổng nhu cầu vay vốn của đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang khoảng 50 tỷ đồng (= 1.000 người x 50 triệu đồng/người). Tổng nhu cầu vay vốn nêu trên được dự kiến dựa trên tổng số lượng cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang có nhu cầu vay vốn theo Đề án cho vay tiêu dùng, thực tế, nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội được cho vay, thu hồi nợ theo phương pháp quay vòng vốn và hiếm có khả năng tất cả các đối tượng có nhu cầu vay vốn cùng lúc. Do đó, dự kiến nhu cầu vay vốn thực tế của đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh khoảng 15 tỷ đồng (*khoảng 30% tổng nhu cầu vay vốn dự kiến*), riêng năm đầu thực hiện chính sách số người vay vốn lần đầu có thể cao hơn số liệu dự kiến này.

Lũy kế nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội từ năm 2020 đến năm 2023: 117,99 tỷ đồng; trong đó, năm 2020: 28,393 tỷ đồng; năm 2021: 24,993 tỷ đồng; năm 2022: 25 tỷ đồng; năm 2023: 39,604 tỷ đồng. Nguồn vốn ủy thác nêu trên hàng năm sẽ tiếp tục được cân đối, bố trí từ ngân sách địa phương (*cấp tỉnh, cấp huyện*) khoảng 31,5 tỷ đồng/năm để đảm bảo mức vốn tối thiểu quy định tại Nghị quyết số 59/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh⁽⁷⁾ (*ngân sách cấp tỉnh: tối thiểu 15 tỷ đồng/năm; ngân sách cấp huyện: Thành phố Kon Tum: tối thiểu 2,5 tỷ đồng/năm, Huyện nghèo theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ: tối thiểu 01 tỷ đồng/năm, Huyện còn lại: tối thiểu 1,5 tỷ đồng/năm*). Nguồn vốn vay này được Ngân hàng Chính sách xã hội quản lý, cho vay các đối tượng theo các Đề án, chính sách của cấp có thẩm quyền; trong đó có cho vay các đối tượng theo Đề án cho vay tiêu dùng. Như vậy, nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội hiện nay vẫn đảm bảo cho vay được đối tượng đề xuất mở rộng nêu trên.

⁽³⁾ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2023 (1.947 biên chế)

⁽⁴⁾ Công văn số 3293-CV/BTCTU ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc phối hợp cung cấp số liệu phục vụ xây dựng dự toán ngân sách năm 2024 (928 biên chế)

⁽⁵⁾ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (14.390 người)

⁽⁶⁾ Dự kiến khoảng 3.000 người

⁽⁷⁾ Ban hành Quy định cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025

(2) Theo báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội và ý kiến góp ý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các Đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

- Mức cho vay tối đa 30 triệu đồng/hộ/cá nhân còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của nhóm đối tượng vay để kinh doanh, buôn bán nhỏ theo quy định của Nghị quyết. Bởi vì, hiện nay mức cho vay tối đa đối với các chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để sản xuất kinh doanh mức cho vay tối đa 100 triệu đồng/hộ, nên nhóm đối tượng này lựa chọn vay các chương trình tín dụng này để kinh doanh buôn bán nhỏ; mặt khác với mức vay theo quy định hiện nay của Nghị quyết chưa đáp ứng được nhu cầu vay của các đối tượng thụ hưởng chính sách, nhất là trong các trường hợp cần trị bệnh dài ngày, phải chi trả cho các hóa đơn thuốc, các dịch vụ y tế nằm ngoài danh mục chi trả của BHYT. Do đó, đề xuất nâng mức cho vay từ 30 triệu đồng/hộ/cá nhân lên 50 triệu đồng/hộ/cá nhân cho phù hợp với khung mức cho vay của Chương trình cho vay hộ gia đình, kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 306/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức cho vay đối với hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn hiện nay là 50 triệu đồng/hộ.

- Đối với thời hạn cho vay: Hiện nay thời hạn cho vay theo quy định của Nghị quyết tối đa là 24 tháng (*chưa bao gồm thời gian gia hạn nợ*) là chưa phù hợp đối với các đối tượng thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết. Bởi vì, các đối tượng thụ hưởng chính sách của Nghị quyết là các đối tượng yếu thế, khi gặp rủi ro bất khả kháng, khả năng tài chính thấp, kể cả vay để kinh doanh buôn bán nhỏ nên khó khăn trong việc trả nợ khi đến hạn. Mặt khác, các chương trình tín dụng vốn trung ương quy định thời gian cho vay ngắn hạn (*đến 12 tháng*), cho vay trung hạn (*từ trên 12 tháng đến 60 tháng*), cho vay dài hạn trên 60 tháng. Do đó, đề xuất nâng thời hạn cho vay tối đa lên 36 tháng.

- Mức lãi suất hiện nay của Đề án bằng mức lãi suất cho vay chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ cận nghèo của Chính phủ là 7,92%/năm, mức lãi suất này là cao so với các nhóm đối tượng được thụ hưởng chính sách của Nghị quyết quy định. Do đó đề xuất áp dụng mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay Chương trình cho vay hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ quyết định từng thời kỳ, hiện nay mức lãi suất cho vay hộ nghèo là 6,6%/năm (*theo Quyết định số 750/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh giảm lãi suất đối với một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội*) và lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay. Như vậy, lãi suất của Đề án là 3,3%/năm và lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.

(3) Bổ sung Quy trình xác định hộ có mức sống trung bình ngoài đối tượng hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có nhu cầu vay vốn theo Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum làm cơ sở để cho vay theo các đối tượng vay vốn đã quy định tại Đề án:

Qua rà soát các đối tượng của Đề án cho vay tiêu dùng: “2. *Đối tượng vay vốn: Hộ gia đình là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình (theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020)...*”. Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (*thay thế Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020*); trong đó, tại điểm c Khoản 2 Điều 3 quy định:

“c) *Chuẩn hộ có mức sống trung bình*

- *Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.*

- *Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.”*

Theo các quy định nêu trên, đối với khu vực thành thị, hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng được xác nhận là hộ có mức sống trung bình, sẽ là đối tượng được vay vốn theo Đề án cho vay tiêu dùng.

Như vậy, từ các quy định và tình hình thực tiễn nêu trên, có thể nhận thấy, đối tượng vay vốn của Đề án cho vay tiêu dùng đã đảm bảo bao quát các đối tượng theo mục tiêu Đề án (*bao gồm cả hộ gia đình có mức sống trung bình ở khu vực thành thị*). Tuy nhiên, do hiện nay Trung ương chưa ban hành quy trình xác định hộ có mức sống trung bình ở khu vực thành thị (*không phải hộ làm nông lâm ngư nghiệp*) mà chỉ ban hành Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025, dẫn đến một số đối tượng theo mục tiêu của Đề án chưa tiếp cận được vốn vay.

Đề án cho vay tiêu dùng là chính sách đặc thù của tỉnh, theo đó, để giải quyết vấn đề nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính nghiên cứu, tham khảo, vận dụng các quy định của Trung ương về xác định hộ có mức sống trung bình làm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp⁽⁸⁾, tham khảo các quy định, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về phương pháp điều tra, xác định thu nhập bình quân đầu người/tháng của hộ gia đình⁽⁹⁾ và phối hợp lấy ý kiến về chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị có liên quan, trên cơ sở đó đã xây dựng Quy trình xác định hộ có mức

⁽⁸⁾ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo

⁽⁹⁾ Quyết định số 1245/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố các chỉ tiêu về hợp tác xã và khu công nghiệp và ban hành quy trình thu thập, tổng hợp và tính toán tiêu chí về thu nhập thuộc bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (Cục Thống kê phối hợp cung cấp, gửi kèm theo Văn bản số 273/CTK-XH ngày 28 tháng 9 năm 2023)

sống trung bình ngoài đối tượng hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp và xác định đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có nhu cầu vay vốn theo Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum và đã gửi Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị, địa phương có liên quan tham gia ý kiến. Qua lấy ý kiến của các đơn vị, địa phương, hầu hết các đơn vị, địa phương đều thống nhất với Quy trình nêu trên.

Căn cứ quy định tại Văn bản hợp nhất số 23/VBHN-VPQH ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Văn phòng Quốc hội về Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

- Tại Khoản 4 Điều 14 quy định: “*Điều 14. Những hành vi bị nghiêm cấm*

4. Quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này.”

- Tại Khoản 4 Điều 27 quy định: “*Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh*

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

4. Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.”

Căn cứ quy định tại Văn bản hợp nhất các Nghị định⁽¹⁰⁾ số 10272/VBHN-VPVP ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính:

- Tại Khoản 1 Điều 3 quy định “*Thủ tục hành chính*” là *trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức.*

- Tại Khoản 1 Điều 8 quy định: “*1. Thủ tục hành chính phải được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật theo đúng thẩm quyền được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.*”

Căn cứ các quy định nêu trên, việc ban hành Quy trình nêu trên là quy định thủ tục hành chính trong Nghị quyết ban hành chính sách đặc thù của Hội đồng nhân dân tỉnh.

⁽¹⁰⁾ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung bởi: Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013; Nghị định số 150/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2016; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2017.

Từ tình hình thực tế và các quy định nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum là cần thiết và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết: Nhằm ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết: Đảm bảo tính chặt chẽ và thống nhất, đúng với quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các quy định, hướng dẫn khác có liên quan.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng vay vốn quy định tại Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Thực hiện kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 17/TB-TTHĐND ngày 23 tháng 4 năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính chủ trì, xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum; tổ chức

lấy ý kiến tham gia của các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đăng tải nội dung dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến tham gia của các đối tượng liên quan; lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp để hoàn chỉnh nội dung. Đồng thời, tổ chức lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định để làm cơ sở trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Đến nay, việc xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật liên quan.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT:

1. Bố cục: Gồm có 02 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Khoản 5 Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 như sau:

“2. Đối tượng vay vốn:

a) Hộ gia đình là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình (*theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025*), hộ mới thoát nghèo (*theo quy định tại Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo*), gặp khó khăn đột xuất về tài chính do ốm đau, bệnh tật phải điều trị dài ngày; tai nạn đột xuất; thiên tai, hỏa hoạn làm nhà cửa, tài sản, phương tiện đi lại bị hư hỏng cần khắc phục ngay (*kể cả trường hợp đang còn dư nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội*); để kinh doanh, buôn bán nhỏ (*không có dư nợ các Chương trình tín dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội có cùng mục đích sử dụng*), có nhu cầu vay vốn để ổn định cuộc sống với lý do chính đáng, hợp pháp.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh, huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn, ở lực lượng vũ trang đang công tác tại địa bàn tỉnh Kon Tum, có Giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi cá nhân làm việc theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết này xác nhận thu nhập bình quân đầu người/tháng của hộ gia đình mình tương đương với chuẩn hộ có mức sống trung bình quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, gặp khó khăn đột xuất về tài chính do ốm đau, bệnh tật phải điều trị dài ngày; tai nạn đột xuất; thiên tai, hỏa hoạn làm nhà cửa bị hư hỏng cần khắc phục ngay.”

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 như sau:

“5. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và lãi suất nợ quá hạn:

- Mức cho vay: Do Ngân hàng Chính sách xã hội và người vay thỏa thuận theo nhu cầu, khả năng nguồn vốn để cho vay phù hợp nhưng tối đa không quá 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) đồng/hộ/cá nhân (mỗi hộ gia đình chỉ được 01 cá nhân đại diện vay vốn).

- Thời hạn cho vay: Theo thỏa thuận giữa Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay với người vay vốn, đảm bảo phù hợp với khả năng trả nợ và mục đích sử dụng vốn vay nhưng tối đa không quá 36 tháng kể từ ngày nhận tiền vay. Trường hợp đến hạn trả nợ, nếu người vay vốn gặp khó khăn về tài chính do nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ thì được Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ, thời hạn gia hạn nợ tối đa bằng một nửa thời hạn cho vay nhưng không quá 18 tháng.

- Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất của Chương trình cho vay hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.”

2. Bổ sung Điều 1a vào sau Điều 1 như sau:

“Điều 1a. Phương pháp xác định; thời gian rà soát, xác định; chuẩn hộ có mức sống trung bình và Quy trình xác định hộ gia đình có mức sống trung bình không thuộc hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp

1. Đối tượng áp dụng

a) Quy định tại Điều này áp dụng đối với đối tượng hộ có mức sống trung bình không thuộc hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

b) Quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025.

2. Phương pháp xác định

Xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát và không tính các khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình. Cụ thể:

a) Thu thập thông tin chung của hộ gia đình, ước lượng thu nhập bình quân của hộ gia đình/tháng, thông tin của các thành viên trong hộ.

b) Xác định thu nhập của hộ trong 12 tháng qua: Tổng thu và tổng chi từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ sản xuất kinh doanh, buôn bán nhỏ, thu nhập từ sở hữu tài sản, đầu tư tài chính, chuyển nhượng, thu nhập khác trong 12 tháng tính đến ngày nhận Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình; xác định mức thu nhập bình quân của hộ gia đình, mức thu nhập bình quân người trong hộ (trong

đó, tổng mức thu nhập bình quân của hộ gia đình = tổng thu - tổng chi; thu nhập bình quân người/tháng = tổng thu nhập của hộ gia đình/nhân khẩu của hộ/12 tháng) ”.

3. Thời gian rà soát, xác định

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức rà soát, xác định hộ gia đình có mức sống trung bình được quy định tại Điều này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức trung bình. Trường hợp Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình được gửi qua đường bưu điện thì thời hạn này được tính theo dấu đến của bưu điện.

4. Chuẩn hộ có mức sống trung bình: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP.

5. Quy trình xác định

Bước 1: Đại diện hộ gia đình có Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức trung bình (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này) gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú. Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình có thể nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2: Sau khi nhận được Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo việc tổ chức rà soát, xác định thu nhập của hộ gia đình theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Bước 3: Ngay sau khi kết thúc rà soát, Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết, thông báo công khai kết quả rà soát, xác định thu nhập của hộ gia đình tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 05 ngày làm việc, tổ chức phúc tra trong thời gian 03 ngày làm việc (trong trường hợp có khiếu nại kết quả rà soát, xác định).

Bước 4: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận hộ có mức sống trung bình theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát tại Bước 2. Trường hợp không thuộc hộ thuộc chuẩn mức sống trung bình được quy định tại Khoản 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN VĂN BẢN

1. Dự kiến nguồn lực: Hằng năm, Ủy ban nhân dân (tỉnh, huyện, thành phố)

sẽ cân đối đảm bảo ngân sách (*tỉnh, huyện, thành phố*) để thực hiện chính sách theo quy định về quản lý phân cấp ngân sách.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành:

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

(Tài liệu gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (2) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (3) Tổng hợp kết quả ý kiến Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh và các tài liệu khác có liên quan).

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 7 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh;
- Các sở: Tài chính; Tư pháp (đ/b);
- Chi nhánh NHCSXH tỉnh (đ/b);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP (đ/b);
- Lưu VT, KTTH_{NTS, TQT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm